

Số: /QĐ-UBND

An Giang, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế;

Căn cứ Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;

Căn cứ Quyết định số 2495/QĐ-BYT ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 108/TTr-SYT ngày 07 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026.

Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu các khoản phí công bố tại Quyết định này thực hiện theo Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 và Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính.

2. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan công khai thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này và cung cấp, tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT, pmtrang.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Mừng

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỨC PHÍ THEO THÔNG TƯ SỐ
64/2025/TT-BTC NGÀY 30/6/2025 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH THUỘC
PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ TỈNH AN GIANG**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đơn vị tính: đồng)	Căn cứ pháp lý quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
I	LĨNH VỰC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH					
1	1.012289	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	30 ngày	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	215.000	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
2	1.012292	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh,	15 ngày	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia;	215.000	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đơn vị tính: đồng)	Căn cứ pháp lý quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
		kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng		- Qua dịch vụ bưu chính công ích.		doanh nghiệp, người dân
3	1.012290	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	15 ngày	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Trường hợp (1) hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị mất hoặc hư hỏng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 131 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP; Trường hợp (2) Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp thay đổi một trong các thông tin về họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân đối với người hành nghề Việt Nam; số hộ chiếu và quốc tịch đối với người hành nghề nước ngoài quy định tại điểm b	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đơn vị tính: đồng)	Căn cứ pháp lý quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
					khoản 1 Điều 131 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP; Trường hợp (12) giấy phép hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; Trường hợp (15) người hành nghề đã được cấp chứng chỉ hành nghề trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 khi bị mất hoặc hư hỏng; Trường hợp (16) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề đối với người hành nghề đã được cấp chứng chỉ hành nghề trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 khi thay đổi một trong các thông tin về họ và	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đơn vị tính: đồng)	Căn cứ pháp lý quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
					tên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân đối với người hành nghề Việt Nam; số hộ chiếu và quốc tịch đối với người hành nghề nước ngoài; Trường hợp (17) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề đối với người hành nghề bị thu hồi chứng chỉ hành nghề trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 theo quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 29 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12. Thời gian từ ngày thu hồi chứng chỉ hành nghề đến ngày đề nghị được cấp giấy phép hành nghề không quá 24 tháng); 75.000;	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đơn vị tính: đồng)	Căn cứ pháp lý quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
					- Các trường hợp còn lại: 215.000. <i>(Không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề)</i>	
4	1.012278	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Tổ chức thẩm định điều kiện hoạt động và danh mục kỹ thuật thực hiện tại cơ sở đề nghị và lập biên bản thẩm định trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ và; 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành biên bản thẩm định hoặc nhận được văn bản thông báo và tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Bệnh viện: 5.250.000; - Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 2.850.000; - Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế cấp xã, trạm xá và tương đương: 1.550.000; - Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đơn vị tính: đồng)	Căn cứ pháp lý quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
			khắc phục, sửa chữa của cơ sở đề nghị.		khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 2.150.000; - Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 2.150.000	
5	1.012279	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	20 ngày	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	750.000 <i>(Không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan cấp)</i>	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
6	1.012280	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	- 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ Trường hợp thay đổi thời gian làm việc hoặc thay	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên	- Trường hợp thay đổi thời gian làm việc hoặc thay đổi tên: 750.000 - Trường hợp thay	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đơn vị tính: đồng)	Căn cứ pháp lý quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
			đổi tên, địa chỉ của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng không thay đổi địa điểm - 70 ngày. Trường hợp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Trường hợp thay đổi quy mô hoạt động; Trường hợp Giảm bớt danh mục kỹ thuật.	Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	đổi quy mô hoạt động: + Bệnh viện: 5.250.000 + Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 2.850.000 + Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế cấp xã, trạm xá và tương đương: 1.150.000 + Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 2.150.000 - Trường hợp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: + Bệnh viện, Phòng khám đa khoa, Nhà	thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đơn vị tính: đồng)	Căn cứ pháp lý quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
					hộ sinh, Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 2.150.000; + Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế cấp xã, trạm xá và tương đương: 1.550.000; + Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 2.150.000. <i>(không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền)</i>	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đơn vị tính: đồng)	Căn cứ pháp lý quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
					<i>cấp, trường hợp thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi địa điểm do có sự điều chỉnh về địa giới hành chính và trường hợp điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với trường hợp giảm bớt danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh)</i>	
7	1.012271	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	30 ngày	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	215.000	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
8	1.012272	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có	15 ngày	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính	- Trường hợp (1) giấy phép hành nghề bị mất hoặc hư hỏng	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đơn vị tính: đồng)	Căn cứ pháp lý quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
		bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền		công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP; Trường hợp (8) giấy phép hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh: 75.000; - Các trường hợp còn lại: 215.000 (không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề)	Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
II LĨNH VỰC THIẾT BỊ Y TẾ						
1	3.000448	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với thiết bị y tế loại A, B	03 ngày làm việc	Trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử về quản lý thiết bị y tế	500.000	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đơn vị tính: đồng)	Căn cứ pháp lý quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
2	1.003006	Công bố đủ điều kiện sản xuất thiết bị y tế	0 ngày làm việc	Trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử về quản lý thiết bị y tế	1.500.000	Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
3	1.003039	Công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	0 ngày làm việc	Trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử về quản lý thiết bị y tế	1.500.000	
4	1.003029	Công bố tiêu chuẩn áp dụng Sở Y tế đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B:	0 ngày làm việc	Trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử về quản lý thiết bị y tế	Loại A: 500.000 Loại B: 1.500.000	
III	LĨNH VỰC PHÒNG BỆNH					
1	1.013866	Đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	- 120 ngày: hồ sơ chế phẩm có chứa hoạt chất hoặc có dạng sản phẩm hoặc có phạm vi sử dụng hoặc tác dụng lần đầu đăng ký tại Việt Nam	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Thẩm định cấp giấy phép khảo nghiệm hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế: 1.750.000 - Thẩm định cấp mới: 5.500.000	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đơn vị tính: đồng)	Căn cứ pháp lý quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
			- Trường hợp 1: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp 2: 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.			
2	1.013874	Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	30 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	2.000.000	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
3	1.013887	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành chế phẩm	30 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính	1.250.000	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đơn vị tính: đồng)	Căn cứ pháp lý quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
		diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.		Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
4	1.013891	Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	30 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	2.500.000	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
5	1.013895	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	60 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Thẩm định cấp giấy phép khảo nghiệm hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế: 1.750.000	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đơn vị tính: đồng)	Căn cứ pháp lý quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
					- Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất: 1.250.000	doanh nghiệp, người dân
6	1.013867	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tên, địa chỉ liên lạc của đơn vị đăng ký, đơn vị sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	30 ngày	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	1.250.000	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
7	1.013868	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế	- 30 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ đối với đăng ký lưu hành bổ sung thay đổi hạn sử dụng	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia;	- Thẩm định cấp giấy phép khảo nghiệm hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đơn vị tính: đồng)	Căn cứ pháp lý quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
		phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất	- Các trường hợp còn lại: 60 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	- Qua dịch vụ bưu chính công ích.	và y tế (trừ trường hợp thay đổi hạn sử dụng): 1.750.000 - Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế: 1.250.000	doanh nghiệp, người dân
8	1.013870	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt	10 ngày	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính	1.250.000	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đơn vị tính: đồng)	Căn cứ pháp lý quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
		khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.		Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
9	1.013875	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế để nghiên cứu	15 ngày	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	1.000.000	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
10	1.013880	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ	15 ngày	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	1.000.000	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đơn vị tính: đồng)	Căn cứ pháp lý quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
						doanh nghiệp, người dân
11	1.013881	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu, cho, tặng	15 ngày	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	1.000.000	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
12	1.013883	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu	15 ngày	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	1.000.000	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
13	1.013886	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh	03 ngày	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công;	1.000.000	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đơn vị tính: đồng)	Căn cứ pháp lý quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
		vực gia dụng và y tế xuất khẩu thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế		- Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.		chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
14	1.013889	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế	03 ngày	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	1.000.000	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
15	1.004070	Công bố cơ sở đủ điều kiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	03 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	150.000	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đơn vị tính: đồng)	Căn cứ pháp lý quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
16	1.004062	Công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	03 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	150.000	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
17	1.002944	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	03 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	150.000	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
18	1.002467	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	03 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ	150.000	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đơn vị tính: đồng)	Căn cứ pháp lý quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
				công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.		khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
19	1.002564	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	10 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	150.000	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
IV LĨNH VỰC Y, DƯỢC CỔ TRUYỀN						
1	1.012418	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	20 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	1.250.000	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đơn vị tính: đồng)	Căn cứ pháp lý quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
						doanh nghiệp, người dân
2	1.012415	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	35 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	1.250.000	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
3	1.012416	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	10 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	1.250.000	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đơn vị tính: đồng)	Căn cứ pháp lý quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
						doanh nghiệp, người dân
V	LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM					
1	1.013862	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	07 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	750.000/ lần/sản phẩm	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
2	1.013858	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	07 ngày	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	750.000/ lần/sản phẩm	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đơn vị tính: đồng)	Căn cứ pháp lý quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
						nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
3	1.013857	Chi định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.	45 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	14.250.000 /lần/ đơn vị	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
4	1.013854	Đăng ký gia hạn chi định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.	- 45 ngày làm việc đối với cơ sở kiểm nghiệm thuộc đối tượng quy định tại Phần 7 Phụ lục 5 Nghị định số 148/2025/NĐ-CP	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	10.250.000/lần/ đơn vị	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đơn vị tính: đồng)	Căn cứ pháp lý quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
			- 30 ngày làm việc đối với cơ sở kiểm nghiệm thuộc đối tượng quy định tại Phần 8 Phụ lục 5 Nghị định số 148/2025/NĐ-CP.			nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
5	1.013850	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.	- 45 ngày làm việc đối với cơ sở kiểm nghiệm thuộc đối tượng quy định tại Phần 7 Phụ lục 5 Nghị định số 148/2025/NĐ-CP (không bao gồm thời gian đánh giá tại cơ sở kiểm nghiệm). - 30 ngày làm việc đối với cơ sở kiểm nghiệm thuộc đối	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	14.250.000/lần/ đơn vị	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đơn vị tính: đồng)	Căn cứ pháp lý quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
			tượng quy định tại Phần 8 Phụ lục 5 Nghị định số 148/2025/NĐ-CP CP (không bao gồm thời gian đánh giá tại cơ sở kiểm nghiệm nếu cần thiết).			
6	1.013844	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC	30 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	14.250.000/lần/ đơn vị	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đơn vị tính: đồng)	Căn cứ pháp lý quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
		17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025				
7	1.013851	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	10 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	550.000/lần/sản phẩm	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
8	1.013847	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế (CFS).	03 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	500.000/lần/giấy chứng nhận	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đơn vị tính: đồng)	Căn cứ pháp lý quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
						doanh nghiệp, người dân
9	1.013855	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	20 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Phí thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm: 500.000/lần/cơ sở - Phí thẩm định cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống dưới 200 suất ăn: 350.000/lần/cơ sở - Phí thẩm định cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống từ 200 suất ăn trở lên: 500.000/lần/cơ sở - Phí đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ được cấp giấy chứng nhận	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đơn vị tính: đồng)	Căn cứ pháp lý quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
					cơ sở đủ điều kiện ATTP: 250.000/lần/cơ sở - Phí đối với cơ sở sản xuất khác (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 1.250.000/lần/cơ sở	
10	1.013838	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế.	03 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	500.000/lần/giấy chứng nhận	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đơn vị tính: đồng)	Căn cứ pháp lý quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
11	1.013829	Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu.	05 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	500.000/lần/giấy chứng nhận	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
12	1.002867	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường	05 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	150.000/lô hàng	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đơn vị tính: đồng)	Căn cứ pháp lý quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
13	2.001191	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt	07 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	500.000/lô hàng +số mặt hàng x100.000 (số mặt hàng tính từ mặt hàng thứ 2) Tối đa 5.000.000/lô hàng	Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân